

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hận

Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Lệ H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Lệ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H sống chung năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có hai người con chung, Trần Thanh T, sinh năm 2001 và Trần Phát T, sinh ngày 16/5/2015, hiện cháu sống chung với chị và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tài, đối với cháu T đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 27/6/2022, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân là do anh tự nguyện lựa chọn không ép buộc. Hiện tại anh chị đã ly thân nhau, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung, Trần Thanh T, sinh năm 2001 và Trần Phát T, sinh ngày 16/5/2015, hiện cháu đang sống cùng anh chị. Anh xác định trong trường hợp anh và chị H ly hôn nhau, anh đồng ý giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã trưởng thành có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Văn H có nơi trú tại ấp Cơi 5B, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/01/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn; anh H không đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không thuyết phục, tạo niềm tin cho chị H đồng ý tiếp tục chung sống với anh, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung, cháu Trần Thanh T, sinh năm 2001 và Trần Phát T, sinh ngày 16/5/2015, hiện đang sống cùng chị H, cháu T đã trưởng thành có cuộc sống ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy, cháu T hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc chăm sóc cháu là do chị là người giữ vai trò chính trong việc chăm sóc và giáo dục con, hiện cháu đang ở với chị H, anh H đồng ý giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện cụ thể các bên và sự phát triển của cháu.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, đây là ý chí tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không buộc anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Tài.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị thống nhất xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Lệ H và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Phát T, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Nguyễn Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004975 ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp